

Số: 03/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXVI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-KĐCL ngày 07/02/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXVI;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXVI ngày 02-03/3/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đình Văn Toàn

12/01/2017

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HÙNG YÊN**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 03/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4.00	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.94
Tiêu chuẩn 1	4.00	Tiêu chuẩn 13	4.20
Tiêu chuẩn 2	4.00	Tiêu chuẩn 14	3.80
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	4.00
Tiêu chuẩn 4	4.00	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	4.00	Tiêu chuẩn 17	4.00
Tiêu chuẩn 6	4.29	Tiêu chuẩn 18	4.25
Tiêu chuẩn 7	4.00	Tiêu chuẩn 19	3.75
Tiêu chuẩn 8	3.75	Tiêu chuẩn 20	3.75
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4.08	Tiêu chuẩn 21	4.00
Tiêu chuẩn 9	4.00	Mục 4. Kết quả hoạt động	3.98
Tiêu chuẩn 10	4.50	Tiêu chuẩn 22	4.00
Tiêu chuẩn 11	4.00	Tiêu chuẩn 23	4.17
Tiêu chuẩn 12	3.80	Tiêu chuẩn 24	3.75
		Tiêu chuẩn 25	4.00

Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HUNG YÊN

*(Kèm theo Nghị quyết số: 03/NQ-HĐKĐCL ngày 04 tháng 3 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên giai đoạn 2019-2023 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn được tuyên bố chính thức có tính ổn định, kế thừa và phát triển phù hợp với bối cảnh mới. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập và rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định; chức năng, nhiệm vụ các đơn vị được phân định rõ ràng. Các chỉ tiêu chiến lược cơ bản được xác lập đầy đủ, tương thích với nguồn lực và điểm xuất phát của Nhà trường. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng phù hợp với sứ mạng. Đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao, có năng lực và phẩm chất tốt; kết quả nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế có sự gia tăng. Công tác lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường nguồn lực tài chính cho các hoạt động được thực hiện theo quy định. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn được thiết lập và vận hành có hiệu quả. Các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác được quan tâm thiết lập.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập khá hoàn chỉnh; quy định và hướng dẫn về hoạt động đảm bảo chất lượng được ban hành để thực hiện; đội ngũ cán bộ chuyên trách đảm bảo chất lượng được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Các kế hoạch chiến lược, cơ chế đảm bảo chất lượng và các hoạt động được triển khai có kết quả. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo được thực hiện định kỳ; khắc phục các tồn tại và cải tiến được quan tâm thực hiện có kết quả tích cực. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng với sự hỗ trợ tích cực của công nghệ thông tin giúp cung cấp dữ liệu hỗ trợ cho việc ra quyết định của các cấp quản lý. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn đối sánh được thiết lập, bước đầu được triển khai.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, các tiêu chí và phương thức xét tuyển được xác định rõ ràng và phù hợp góp phần cải thiện kết quả tuyển sinh. Các chương trình đào tạo được phát triển phù hợp với định hướng ứng dụng, được rà soát, điều chỉnh định kỳ; nội dung chương trình đào tạo được cập nhật và có tính ứng dụng thực tiễn cao. Các hoạt động dạy - học khá đa dạng; việc khuyến khích người học làm dự án, báo cáo, thực hành, trải nghiệm thực tế được quan tâm. Đánh giá kết quả học tập của người học được quy định để triển khai thực hiện; thông tin về kết quả được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện việc học tập. Kế hoạch nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và triển khai với các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát và cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học được thiết lập và triển khai khuyến khích cán bộ giảng viên và người học tham gia.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai có sự hỗ trợ của phần mềm; các chỉ số đầu ra được xác lập và giám sát. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao;

chất lượng và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc được các nhà sử dụng lao động hài lòng. Khối lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên được xác định và thực hiện; kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, công bố khoa học, nhất là trên hệ thống ISI, Scopus tăng. Tác động của hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được các bên đánh giá, ghi nhận. Kết quả và chỉ số tài chính của các hoạt động được xác lập và thực hiện có sự tăng trưởng; chỉ số kết quả của các lĩnh vực được giám sát, đối sánh nội bộ, đặc biệt trong đào tạo chính quy đại học và nghiên cứu khoa học. Các đóng góp của Nhà trường cho thị trường trên các lĩnh vực hoạt động đã được khẳng định và ghi nhận.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Có các giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo khả thi hơn trong thực tiễn để đảm bảo thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Nhà trường; các giải pháp cần toàn diện và xuyên suốt trong các hoạt động. Xác định rõ các hoạt động với các chỉ số đóng góp cụ thể vào phát triển kinh tế - xã hội và thay đổi để thích ứng, phát triển; xem xét phương án tái cấu trúc, tạo quỹ đạo phát triển mới để hiện thực hoá được tầm nhìn và thực thi sứ mạng.

2. Tổ chức hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường và bộ phận giúp việc để phát huy vai trò tư vấn và giám sát cấp chiến lược cũng như hoàn thiện chính sách. Chủ động nghiên cứu các xu thế phát triển đại học ở trong và ngoài nước để tham khảo trong xây dựng chính sách; tăng cường năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương lớn và giám sát các chỉ tiêu, kế hoạch đảm bảo đầy đủ trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch; có các giải pháp giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển.

3. Phân định đầy đủ chức năng quản trị với chức năng quản lý, điều hành; đánh giá năng lực quản trị và hiệu quả thực hiện của bộ máy quản lý theo KPIs và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Tiếp tục rà soát cấu trúc tổ chức, bộ máy và hệ thống văn bản quản lý, phối hợp công tác giữa Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban giám hiệu để có những cải tiến kịp thời. Tăng cường sự phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý sau giám sát giữa Đảng uỷ, thanh tra, bộ phận giám sát của Hội đồng trường.

4. Sử dụng công cụ đối sánh để xác định nội dung, nội hàm của mô hình đại học cần xây dựng và hoàn thiện quy trình xây dựng, thực hiện chiến lược; lựa chọn đối tác và tham khảo các thực hành tốt để có đầy đủ thông tin xây dựng chiến lược cho giai đoạn tới. Tham khảo, sử dụng các tiêu chí và mốc chuẩn của các bộ tiêu chuẩn chất lượng, các bảng xếp hạng, đối sánh có uy tín để xây dựng bổ sung các chỉ số về chất lượng nghiên cứu, cập nhật các chỉ tiêu về chuyển đổi số và phục vụ cộng đồng tương thích với các mục tiêu phát triển bền vững.

5. Có các hướng dẫn xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; định kì tổ chức tập huấn cho cán bộ về công tác lập kế hoạch, xây dựng chính sách. Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan và đánh giá hiệu quả thực thi của các chính sách đã ban hành làm cơ sở tiếp tục duy trì hay điều chỉnh cho phù hợp. Có chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao, khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học cả về tinh thần lẫn vật chất.

6. Rà soát các chiến lược, kế hoạch phát triển làm cơ sở điều chỉnh phù hợp các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển nguồn nhân lực. Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, các tiêu chuẩn năng lực, tiêu chí tuyển dụng theo vị trí để đánh giá và đào tạo; cải tiến chế độ đãi ngộ giảng viên, trong đó chú trọng đến khả năng, thành tích nghiên cứu khoa học, tư vấn và chuyển giao công nghệ. Xây dựng quy định về phục vụ cộng đồng và yêu cầu thực hiện cụ thể đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên. Ưu tiên đầu tư nguồn lực tài chính, xây dựng cơ chế đặc thù, cơ chế đột phá để có thể thu hút được người tài vào các vị trí phù hợp, giảm thiểu các rào cản hành chính để tạo động lực trong thực hiện.

7. Lập kế hoạch tài chính theo sát chiến lược phát triển hướng tới thực hiện từng mục tiêu chiến lược; hoàn thiện chính sách tài chính theo hướng kiến tạo và dẫn dắt phát triển. Chú trọng đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ các hoạt động gắn với thị trường như đào tạo cho các doanh nghiệp, tư vấn, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế; tăng mức chi cho nghiên cứu khoa học và đầu tư trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin tương thích lộ trình xây dựng mô hình đại học thông minh, đại học số.

8. Quy định rõ hơn nội dung hoạt động đối ngoại trong nước để phù hợp với định hướng phát triển và tình hình thực tiễn. Rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước để cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng kế hoạch tổng thể về cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

9. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong tương thích với các yêu cầu của hệ thống bảo đảm chất lượng bên ngoài và bối cảnh Việt Nam. Tăng cường hơn nữa vai trò của bộ phận bảo đảm chất lượng trong tham mưu tư vấn, giám sát đánh giá việc thực thi chiến lược và giám sát các điều kiện triển khai. Tiếp tục hoàn thiện các kế hoạch chiến lược, các nhiệm vụ hàng năm và hệ thống các quy định, hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo chất lượng, trong đó lưu ý xây dựng đầy đủ bộ KPIs cho mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng.

10. Tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá, quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài để tăng hiệu quả; sớm triển khai kế hoạch thực hiện tự đánh giá và chuẩn bị cho kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo sau đại học. Phân tích sâu các thông tin, dữ liệu thu thập được để làm rõ xu hướng/diễn tiến của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học phù hợp trong nước, quốc tế để đổi mới, cải tiến nâng cao chất lượng. Tăng cường năng lực cho các cán bộ chuyên trách, nhất là các kinh nghiệm quốc tế trong triển khai các hoạt động.

11. Rà soát và có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài; bổ sung hệ thống thông tin về đối sánh trong nước, quốc tế, đối sánh ngoài các chương trình đào tạo, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng với các cơ sở giáo dục khác. Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, chú trọng công tác truyền thông về các thành tích đạt được để góp phần tạo thương hiệu, uy tín và tăng thêm hình ảnh của Nhà trường trong và ngoài nước.

12. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về đối sánh; xác định rõ các hình thức, đánh giá hiệu quả, vai trò của đối sánh cấp khoa/viện, đối sánh cấp trường và đối sánh ngoài làm cơ sở xác định phương thức/hình thức đối sánh phù hợp dựa trên nhu cầu cải tiến các

lĩnh vực hoạt động. Lựa chọn đa dạng hơn các loại hình đối sánh phù hợp với mục tiêu cần thực hiện; phân tích kỹ kết quả đối sánh để tìm ra nguyên nhân, giải pháp cải tiến chất lượng hoặc lựa chọn các thông tin để tham khảo, học tập.

13. Có giải pháp xây dựng xây dựng các chính sách học bổng phù hợp để tuyển sinh các đối tượng đặc biệt; xây dựng kế hoạch tuyển sinh và đa dạng truyền thông cho các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và các hệ đào tạo ngoài chính quy. Có chiến lược và giải pháp phát triển hợp tác với doanh nghiệp, địa phương để tăng cường hỗ trợ sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Xây dựng hệ thống CRM để quản trị người học tiềm năng, người đang học.

14. Nghiên cứu áp dụng các phương pháp tiên tiến để xây dựng chiến lược, quy hoạch ngành và định hướng phát triển các ngành đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ mới; mở rộng thêm các mô hình đào tạo, kết hợp và liên thông. Tham khảo và phân tích các mô hình đào tạo đại học kết hợp thạc sĩ, song bằng, liên kết quốc tế,... để phát triển các dạng chương trình đào tạo liên ngành mới. Rà soát thời lượng thực hành, thực tập; cập nhật đề cương chi tiết, nội dung và giáo trình, tài liệu tham khảo trong các học phần; bổ sung các học phần tự chọn để tăng tính liên ngành cho các chương trình đào tạo.

15. Phân tích, đánh giá và lựa chọn phương pháp dạy và học phù hợp để đạt chuẩn đầu ra, nhất là đối với các chương trình đào tạo có yêu cầu nghiên cứu. Đầu tư các phần mềm chuyên ngành và có hướng dẫn, đào tạo bồi dưỡng giảng viên trong thực hành, mô phỏng. Tăng cường các phương pháp giảng dạy mới phù hợp, nhất là các học phần yêu cầu công cụ mô phỏng; quan tâm phát triển các bài thực hành trên cơ sở các trang thiết bị thực hành, thực tập mới; có cơ chế thiết lập các phòng nghiên cứu liên ngành, lab kết hợp với doanh nghiệp. Xây dựng chiến lược, chính sách thu hút các nhà khoa học xuất sắc, trường ngành để hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh.

16. Rà soát các hình thức kiểm tra đánh giá của các học phần đáp ứng yêu cầu của các quy định mới về đánh giá người học; xây dựng các hình thức đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo. Sử dụng đa dạng các hình thức đánh giá, phân tích tương quan và tương quan chéo kết quả học tập của người học trong các năm để đánh giá, đối sánh và cải tiến phù hợp, nhất là đối với các học phần có thực hành, thực tập, các học phần sử dụng các phần mềm mô phỏng, các học phần phối hợp với doanh nghiệp.

17. Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn và yêu cầu năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ hỗ trợ người học để đánh giá và bồi dưỡng nâng cao năng lực theo vị trí. Tăng cường hiệu quả kết nối các doanh nghiệp trong đào tạo thực hành và thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp. Tăng cường các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên gắn với hoạt động doanh nghiệp và địa phương giúp người học tiếp cận nhanh thị trường lao động và năng lực thực tiễn.

18. Rà soát, điều chỉnh kịp thời các quy định về khoa học công nghệ; bổ sung và cập nhật các văn bản quản lý cho phù hợp với thực tiễn; xây dựng đầy đủ các KPIs và các chỉ tiêu kế hoạch hằng năm phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường trong giai đoạn mới để thực hiện và đánh giá; tăng cường huy động và đầu tư nguồn lực để nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên trong nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học, nhất là hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác quốc tế để phát triển phù hợp các hướng nghiên cứu ứng dụng và đổi mới sáng tạo; có các giải pháp đột phá để phát triển các nghiên cứu có giá trị thực tiễn, có khả năng chuyển giao và thương mại hóa.

19. Sớm xây dựng chiến lược, kế hoạch thực hiện các hoạt động về sở hữu trí tuệ, xây dựng các KPIs quản lý và khai thác tài sản trí tuệ; định kỳ tổng kết, rà soát, đánh giá chuyên đề về công tác này để có kế hoạch và biện pháp cải tiến cụ thể. Triển khai các biện pháp hiệu quả động viên, khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực đăng ký bảo hộ, đăng ký bản quyền tác giả đối với sản phẩm nghiên cứu; xây dựng chính sách và các cơ chế hỗ trợ chuyển giao, thương mại hoá các sản phẩm nghiên cứu.

20. Có định hướng và chính sách phát triển quan hệ hợp tác cả chiều rộng và chiều sâu với các tổ chức, doanh nghiệp, đối tác quốc tế để thu hút và khai thác nguồn lực cho các hoạt động. Xây dựng các tiêu chí lựa chọn và phân nhóm các đối tác hợp tác trong khoa học công nghệ, các tiêu chí đánh giá hiệu quả các mối quan hệ và các hoạt động hợp tác, đối tác để thực hiện, trong đó chú trọng các hợp tác với đối tác trong và ngoài nước có uy tín để phát triển các nhóm nghiên cứu có các sản phẩm nghiên cứu mũi nhọn đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển trong giai đoạn mới.

21. Xây dựng và tuyên bố chính sách về kết nối và phục vụ cộng đồng trong đó chú trọng đến tác động xã hội và chất lượng người học. Cụ thể hóa các chỉ tiêu đánh giá và giám sát, trong đó có đánh giá hiệu quả hoạt động để tăng trách nhiệm đối với xã hội. Xây dựng nội dung phục vụ cộng đồng cụ thể ở các mảng đào tạo và chuyển giao công nghệ cụ thể và sát với hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

22. Có giải pháp hiệu quả để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, định kỳ có các báo cáo đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học giữa các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục, các chương trình đào tạo tương ứng trong nước và quốc tế. Có các giải pháp tác động hiệu quả để giảm thời gian tốt nghiệp trung bình và quan tâm đến việc giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Khảo sát định kỳ, đầy đủ và lập báo cáo đối sánh bài bản mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp, trong đó lưu ý tới số lượng mẫu và phương pháp phân tích dữ liệu, đảm bảo độ tin cậy của kết quả khảo sát để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và định kỳ thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phân đầu về khoa học công nghệ nhằm thực hiện được sứ mạng và tầm nhìn. Tăng cường huy động các nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học, nhất là nguồn thu từ các doanh nghiệp và đối tác trong tư vấn, chuyển giao; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa. Tăng cường công tác tạo lập và khai thác tài sản trí tuệ; thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp nhằm thực hiện sứ mạng, tầm nhìn.

24. Quan tâm đầy đủ đến đánh giá tác động xã hội của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; gắn nội dung hoạt động vào nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên, nhân viên để tăng nhận thức và trách nhiệm. Cập nhật, phát triển các mô-đun học tập hợp lý dựa trên nhu cầu phát triển cộng đồng để gia tăng tác động đến người học và cán bộ, giảng viên và khai thác ưu thế địa bàn khu công nghiệp.

25. Bổ sung chiến lược tài chính với các chỉ số định lượng trong chiến lược phát triển giai đoạn 2023-2030 tầm nhìn 2045. Có giải pháp đột phá để đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ hoạt động liên kết quốc tế, đào tạo ngắn hạn, các đề tài/dự án trong và ngoài nước trong đó chú trọng tư vấn, chuyển giao công nghệ. Xác định các chỉ số thị trường của các hoạt động

đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; xây dựng lộ trình tham gia xếp hạng trong và ngoài nước nhằm thực hiện chiến lược phát triển Trường và nâng cao vị thế.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
